

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ NGÃ NĂM
TỈNH SÓC TRĂNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 51/2024/DS-ST
Ngày: 10 - 6 - 2024
V/v tranh chấp hợp đồng vay
tài sản.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ NGÃ NĂM, TỈNH SÓC TRĂNG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Phước Toàn.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Trương Văn Nghĩa.

Ông Võ Văn Thỏ.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Kim Tỏa - Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Ngã Năm, tỉnh Sóc Trăng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Ngã Năm, tỉnh Sóc Trăng tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thúy Hằng - Kiểm sát viên.

Trong các ngày 07 và 10 tháng 6 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Ngã Năm, tỉnh Sóc Trăng xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 14/2024/TLST-DS, ngày 05 tháng 02 năm 2024 về việc “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*”. Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 83/2024/QĐXXST-DS ngày 26/4/2024; Quyết định hoãn phiên tòa số 99/2024/QĐST-DS ngày 13/5/2024; Quyết định hoãn phiên tòa số 117/2024/QĐST-DS ngày 31/5/2024 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ông **Huỳnh Ngọc C**, sinh năm 1956.

Địa chỉ: khóm C, phường A, thị xã N, tỉnh Sóc Trăng.

*** Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn:** Ông Nguyễn Văn N, sinh năm 1996, địa chỉ liên hệ: ấp Thạnh H, xã T, huyện Mỹ X, tỉnh Sóc Trăng. (có mặt)

- Bị đơn: Ông **Lê Minh T**, sinh năm 1979. (có mặt)

Địa chỉ: khóm D, phường A, thị xã N, tỉnh Sóc Trăng.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo nội dung đơn khởi kiện và tại phiên tòa người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn ông Nguyễn Văn N trình bày:

Do chỗ quen biết nên vào ngày 11/8/2022 ông Huỳnh Ngọc C có cho ông Lê Minh T vay số tiền 1.000.000.000 đồng. Ông T vay số tiền này là dùng để đáo hạn Ngân hàng cho khách hàng của ông T, do trước đây ông T làm cán bộ tín dụng của Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển nông thôn chi nhánh Ngã Năm. Khi vay ông T có làm biên nhận giao cho ông C giữ. Trong biên nhận không có ghi ngày trả và ghi lãi suất nhưng thực tế hai bên có thỏa thuận lãi suất là 5%/tháng và vay trong thời hạn là 10 ngày. Sau khi đến hạn nhưng ông T vẫn không trả nợ như thỏa thuận. Ông C có điện thoại và nhắn tin để yêu cầu ông T trả tiền nợ nhưng ông T chỉ hứa hẹn nhiều lần mà không trả cho ông C. Tuy nhiên, trong quá trình vay phía ông T có trả lãi cho ông C được tổng số tiền là 566.000.000 đồng. Nay nguyên đơn đồng ý tính lại lãi suất theo quy định của pháp luật từ ngày vay, đối với tiền lãi đóng dư nguyên đơn đồng ý căn trừ vào tiền vốn. Từ đó, số tiền nợ gốc ông T còn nợ ông C sau khi trừ lãi là 627.666.667 đồng.

Nguyên đơn Huỳnh Ngọc C khởi kiện yêu cầu ông Lê Minh T có trách nhiệm trả số tiền còn nợ là 1.000.000.000 đồng và yêu cầu tính lãi từ ngày khởi kiện cho đến khi Tòa án giải quyết xong vụ án theo mức lãi suất của pháp luật. Tại phiên tòa người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn rút một phần yêu cầu khởi kiện là chỉ yêu cầu ông Lê Minh T trả cho ông Huỳnh Ngọc C số tiền nợ gốc là 627.666.667 đồng và tiền lãi tính đến ngày xét xử sơ thẩm theo mức lãi suất 1,66% là 106.276.520 đồng. Tổng cộng số tiền ông T phải trả cho ông C là 733.943.187 đồng.

- Bị đơn ông Lê Minh T trình bày:

Ông thừa nhận ngày 11/8/2022 có vay của ông Huỳnh Ngọc C số tiền là 1.000.000.000 đồng. Mục đích ông vay là để phục vụ việc kinh doanh của ông. Do chỗ quen biết nên ông với ông C thường xuyên hỏi vay qua lại với nhau nên hai bên không có tính lãi. Do đó, trong biên nhận không có thỏa thuận lãi suất và cũng không có thỏa thuận thời hạn trả, khi nào ông C cần tiền thì ông trả. Từ khi vay đến nay ông đã trả cho ông C được số tiền tổng cộng là 566.000.000 đồng và hiện còn nợ lại số tiền là 434.000.000 đồng.

Nay đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Huỳnh Ngọc C về việc yêu cầu ông trả tổng số tiền là 733.943.187 đồng thì ông không đồng ý. Ông chỉ đồng ý trả cho ông C số tiền là 434.000.000 đồng và đồng ý trả lãi cho ông C tính từ ngày khởi kiện cho đến ngày xét xử sơ thẩm với mức lãi suất theo quy định là 20%/năm.

- Đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa phát biểu quan điểm:

Về tố tụng: Thẩm phán thụ lý vụ án, xác định quan hệ pháp luật, xác định tư cách đương sự, thu thập chứng cứ và đưa vụ án ra xét xử đúng trình tự thủ tục của Bộ luật tố tụng dân sự. Hội đồng xét xử (HĐXX) đúng thành phần, thực hiện đầy đủ các thủ tục, trình tự khi xét xử vụ án. Các đương sự chấp hành tốt nội quy phiên tòa và quy định của pháp luật. Về nội dung vụ án: Căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và lời khai của các đương sự tại phiên tòa đề nghị HĐXX chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, HĐXX nhận định:

- Về tố tụng:

[1] Nguyên đơn khởi kiện yêu cầu bị đơn trả số tiền vay còn nợ. Đồng thời, bị đơn có địa chỉ: ấp khóm D, phường A, thị xã N, tỉnh Sóc Trăng nên quan hệ pháp luật tranh chấp được HĐXX xác định là “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*” và vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thị xã Ngã Năm, tỉnh Sóc Trăng theo qui định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Tại phiên tòa người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn rút một phần yêu cầu khởi kiện về việc buộc bị đơn trả số tiền vay gốc là 372.333.333 đồng. Chỉ yêu cầu bị đơn trả cho nguyên đơn số tiền vay gốc là 627.666.667 đồng. Đồng thời cũng thay đổi một phần yêu cầu khởi kiện là tính lại lãi từ ngày vay đến ngày xét xử sơ thẩm theo mức lãi suất quy định của pháp luật. Xét thấy, việc người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn đồng ý rút lại và thay đổi một phần yêu cầu khởi kiện là hoàn toàn tự nguyện và không vượt quá phạm vi khởi kiện ban đầu nên HĐXX chấp nhận và xem xét, giải quyết theo quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều 244 của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Về nội dung:

[3] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc buộc bị đơn trả số tiền vay gốc còn nợ 627.666.667 đồng. Nhận thấy, theo người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn thì bị đơn có vay của nguyên đơn số tiền 1.000.000.000 đồng, trong quá trình vay bị đơn có trả cho nguyên đơn được số tiền lãi 566.000.000 đồng, nay nguyên đơn đồng ý căn trừ số tiền lãi theo quy định. Bị đơn thừa nhận ngày 11/8/2022 có vay của nguyên đơn số tiền 1.000.000.000 tỷ đồng, hiện đã trả được số tiền vốn gốc là 566.000.000 đồng và còn nợ lại số tiền là 434.000.000 đồng. Xét thấy, các đương sự thừa nhận ngày 11/8/2022 bị đơn có vay của nguyên đơn số tiền 1.000.0000.000 đồng đây là tình tiết sự kiện được các đương sự thừa nhận nên không cần phải chứng minh theo quy định tại khoản 2 Điều 92 của Bộ luật tố tụng dân sự. Xét số tiền bị đơn trả cho nguyên đơn 566.000.000 đồng. Thì thấy, theo nội dung biên nhận ngày 11/8/2022 “*Tôi: Lê Minh T có nhận số tiền 1.000.000.000 đồng (một tỷ đồng) của ông Huỳnh Ngọc C*”, theo nội dung các bên không có thỏa thuận lãi suất và cũng không có thỏa thuận thời hạn trả. Tuy nhiên, theo các tài liệu nguyên đơn cung cấp là các đoạn nhắn tin qua lại giữa nguyên đơn và bị đơn đều thể hiện việc bị đơn có trả lãi cho nguyên đơn. Đồng thời, tại phiên tòa bị đơn cũng thừa nhận nguyên đơn có nhắn tin đòi tiền bị đơn nhưng về nội dung lâu quá cũng không nhớ rõ. Mặt khác, bị đơn vay số tiền của nguyên đơn vào ngày 11/8/2022 và cũng chính ngày 11/8/2022 bị đơn lại trả cho nguyên đơn số tiền 12.000.000 đồng. Từ đó, có cơ sở HĐXX xác định nguyên đơn cho bị đơn vay là có lãi. Tuy nhiên, việc thỏa thuận lãi suất theo nguyên đơn trình bày 5%/tháng là cao so với quy định và tại phiên tòa đại diện theo ủy quyền đồng ý tính lãi theo quy định với mức lãi

suất 20%/năm và đồng ý cân trừ số tiền nguyên đơn đóng lãi. Do đó, số tiền lãi và tiền nợ gốc được tính lại cụ thể như sau:

+ Từ ngày 11/8/2022 đến ngày 11/9/2022 tiền lãi của số tiền 1.000.000.000 đồng là 16.600.000 đồng, bị đơn trả lãi cho nguyên đơn được số tiền 12.000.000 đồng nên còn nợ lại số tiền lãi là 4.600.000 đồng.

+ Từ ngày 12/9/2022 đến ngày 11/10/2022 tiền lãi của số tiền 1.000.000.000 đồng là 16.600.000 đồng, cộng tiền lãi tháng 8/2022 là 21.200.000 đồng, bị đơn trả lãi cho nguyên đơn được số tiền 70.000.000 đồng, tiền lãi bị đơn trả còn dư 48.800.000 đồng, trừ số tiền gốc còn lại 951.200.000 đồng

+ Từ ngày 12/10/2022 đến ngày 11/11/2022 tiền lãi của số tiền 951.200.000 đồng là 15.789.920 đồng, bị đơn trả lãi cho nguyên đơn được số tiền 40.000.000 đồng, tiền lãi bị đơn trả còn dư 24.210.080 đồng, trừ tiền gốc còn lại 926.989.920 đồng.

+ Từ ngày 12/11/2022 đến ngày 11/12/2022 tiền lãi của số tiền 926.989.920 đồng là 15.388.033 đồng, bị đơn trả lãi cho nguyên đơn được số tiền 60.000.000 đồng, tiền lãi bị đơn trả còn dư 44.611.967 đồng, trừ tiền gốc còn lại 882.377.953 đồng.

+ Từ ngày 12/12/2022 đến ngày 11/01/2023 tiền lãi của số tiền 882.377.953 đồng là 14.647.474 đồng, bị đơn trả lãi cho nguyên đơn được số tiền 0 đồng.

+ Từ ngày 12/01/2023 đến ngày 11/02/2023 tiền lãi của số tiền 882.377.953 đồng là 14.647.474 đồng, cộng tiền lãi tháng 12 còn nợ là 14.647.474 đồng tổng cộng 29.294.948 đồng, bị đơn trả lãi cho nguyên đơn được số tiền 65.000.000 đồng, tiền lãi bị đơn trả còn dư 35.705.052 đồng, trừ tiền gốc còn lại 846.672.901 đồng.

+ Từ ngày 12/02/2023 đến ngày 11/03/2023 tiền lãi của số tiền 846.672.901 đồng là 14.054.770 đồng, bị đơn trả lãi cho nguyên đơn được số tiền 20.000.000 đồng, tiền lãi bị đơn trả còn dư 5.945.230 đồng, trừ tiền gốc còn lại 840.727.671 đồng.

+ Từ ngày 12/03/2023 đến ngày 11/04/2023 tiền lãi của số tiền 840.727.671 đồng là 13.956.079 đồng, bị đơn trả lãi cho nguyên đơn được số tiền 25.000.000 đồng, tiền lãi bị đơn trả còn dư 11.043.921 đồng, trừ tiền gốc còn lại 829.683.750 đồng.

+ Từ ngày 12/04/2023 đến ngày 11/05/2023 tiền lãi của số tiền 829.683.750 đồng là 13.772.750 đồng, bị đơn trả lãi cho nguyên đơn được số tiền 50.000.000 đồng, tiền lãi bị đơn trả còn dư 36.227.250 đồng, trừ tiền gốc còn lại 793.456.500 đồng.

+ Từ ngày 12/05/2023 đến ngày 11/06/2023 tiền lãi của số tiền 793.456.500 đồng là 13.171.378 đồng, bị đơn trả lãi cho nguyên đơn được số tiền 100.000.000 đồng, tiền lãi bị đơn trả còn dư 86.828.622 đồng, trừ tiền gốc còn lại đồng 706.627.878 đồng.

+ Từ ngày 12/06/2023 đến ngày 11/07/2023 tiền lãi của số tiền 706.627.878 đồng là 11.730.023 đồng, bị đơn trả lãi cho nguyên đơn được số tiền 90.000.000 đồng, tiền lãi bị đơn trả còn dư 78.269.977 đồng, trừ tiền gốc còn lại 628.357.901 đồng.

+ Từ ngày 12/07/2023 đến ngày 11/08/2023 tiền lãi của số tiền 628.357.901 đồng là 10.430.741 đồng, bị đơn trả lãi cho nguyên đơn được số tiền 34.000.000 đồng, tiền lãi bị đơn trả còn dư 23.569.259 đồng, trừ tiền gốc còn lại 604.788.642 đồng.

Tính đến ngày 11/8/2023 bị đơn còn nợ lại nguyên đơn số tiền vốn gốc là 604.788.642 đồng. Do đó, đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc buộc bị đơn trả số tiền nợ gốc là 627.666.667 đồng là có cơ sở chấp nhận một phần theo quy định tại Điều 469 của Bộ luật dân sự. Buộc bị đơn trả cho nguyên đơn số tiền nợ gốc là 604.788.642 đồng. Đối với lời trình bày của bị đơn về việc trả nguyên đơn được số nợ gốc 566.000.000 đồng và còn nợ số tiền gốc 434.000.000 là không có cơ sở chấp nhận.

[4] Xét yêu cầu của nguyên đơn về việc tính lãi từ ngày vay cho đến ngày giải quyết xong vụ án với mức lãi suất theo quy định của pháp luật. Bị đơn thừa nhận có vay nhưng không có lãi. Nay cũng đồng ý tính lãi trên số nợ gốc còn lại từ ngày khởi kiện (11/12/2023) đến ngày xét xử sơ thẩm. Xét thấy, như nhận định ở mục [3] thì giữa các bên có thực hiện hợp đồng cho vay và việc vay là có lãi. Nguyên đơn cũng đồng ý tính lãi lại theo quy định từ ngày vay đến xét xử sơ thẩm trừ số tiền lãi bị đơn đóng. Nên đối với yêu cầu tính lãi của nguyên đơn từ ngày vay đến ngày xét xử sơ thẩm là có cơ sở chấp nhận theo quy định tại Điều 469 của Bộ luật dân sự. Do bị đơn ngưng đóng lãi cho nguyên đơn từ ngày 11/8/2023 đến nay nên lãi suất bị đơn còn phải trả cho nguyên đơn được tính cụ thể như sau: từ ngày 11/8/2023 đến xét xử sơ thẩm (ngày 10/6/2024) là 10 tháng x 1,66% x 604.788.642 đồng = 100.394.915 đồng. Từ đó, buộc bị đơn trả cho nguyên đơn tổng tiền nợ gốc và lãi là 705.183.557 đồng.

[5] Về án phí: Do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận một phần nên nguyên đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm đối với phần yêu cầu khởi kiện không được chấp nhận. Tuy nhiên, do nguyên đơn là người cao tuổi (trên 60 tuổi và có đơn xin miễn án phí) nên HĐXX xem xét và miễn án phí cho nguyên đơn; Bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm đối với phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận, theo các quy định điểm đ khoản 1 Điều 12, khoản 4 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án

[6] Từ những phân tích nêu trên, xét lời đề nghị của Kiểm sát viên là có cơ sở và phù hợp với quy định của pháp luật nên HĐXX chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 2 Điều 92, khoản 1, khoản 2 Điều 244, Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 469 và Điều 468 của Bộ luật dân sự; điểm đ khoản 1 Điều 12, khoản 4 Điều 26 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Huỳnh Ngọc C.

Buộc bị đơn ông Lê Minh T có trách nhiệm trả cho nguyên đơn ông Huỳnh Ngọc C số tiền vay còn nợ là 705.183.557 đồng (*bảy trăm lẻ năm triệu một trăm*

tám mươi ba ngàn năm trăm năm mươi bảy đồng). Trong đó, tiền vốn gốc là 604.788.642 đồng, tiền lãi 100.394.915 đồng.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án đối với khoản tiền phải trả cho người được thi hành án cho đến khi thi hành xong, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất qui định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự tương ứng với thời gian chưa thi hành án.

2. Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Huỳnh Ngọc C về việc buộc bị đơn ông Lê Minh T trả số tiền nợ gốc là: 372.333.333 đồng (*ba trăm bảy mươi hai triệu ba trăm ba mươi ba ngàn ba trăm ba mươi ba đồng*)

3. Không chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Huỳnh Ngọc C về việc buộc bị đơn ông Lê Minh T trả số tiền nợ gốc là 28.759.630 đồng (*hai mươi tám triệu bảy trăm năm mươi chín ngàn sáu trăm ba mươi đồng*)

4. Về án phí dân sự sơ thẩm:

+ Buộc bị đơn ông Lê Minh T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 32.207.342 đồng (*ba mươi hai triệu hai trăm lẻ bảy ngàn ba trăm bốn mươi hai đồng*).

+ Nguyên đơn ông Huỳnh Ngọc C được miễn không phải chịu án phí..

5. Quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Sóc Trăng xét xử theo thủ tục phúc thẩm.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND thị xã Ngã Năm;
- TAND tỉnh Sóc Trăng;
- Chi cục THADS thị xã Ngã Năm;
- Lưu VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đã ký

Nguyễn Phước Toàn